LỊCH SỬ CHÙA AM VÃI QUA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MỚI

ĐỖ DANH HUẤN*

1. Mở đầu

Cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, khi Đại Việt vừa trải qua hai cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời, người sáng lập là vua Trần Nhân Tông, Đệ Nhất tổ - Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308). Sử chép: "Tháng 8 năm 1299, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh" (1). Kế tục sự nghiệp của Thiền phái này là Đệ Nhị tổ Pháp Loa (1284 - 1330) và Đệ Tam tổ Huyền Quang (1254 - 1334). Phật hoàng Trần Nhân Tông tu tập trong 9 năm từ năm 1299 đến 1308; người tu tập lâu nhất là Pháp Loa kéo dài 22 năm từ năm 1308 đến 1330; và cuối cùng là Đệ Tam tổ Huyền Quang tu tập trong 4 năm từ 1330 đến 1334. Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, gắn liền với vai trò của Tam tổ Trúc Lâm nêu trên và đánh dấu bước phát triển về tư tưởng trong xã hội Đại Việt thời Trần.

Cùng với các môn đệ, chư tăng và Phật tử trong cả nước, Tam tổ Trúc Lâm đã xây dựng Yên Tử thành "Kinh đô Phật giáo" của Đại Việt. Công lao gây dựng và phát triển Thiền phái Trúc lâm Yên Tử của Tam tổ Trúc Lâm gắn với sự ra đời của nhiều ngôi chùa trong không gian văn hóa Phật giáo vùng Đông và Tây Yên Tử như: Chùa Hoa Yên, chùa Quỳnh Lâm, Am Ngọa Vân... ở tỉnh Quảng Ninh; chùa Thanh Mai, chùa Côn Sơn, ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương... các địa phương này thuộc khu vực Đông Yên Tử... Đặc biệt, trong vùng Tây Yên Tử, tương đương các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn. Sơn Động của tỉnh Bắc Giang, đã có nhiều ngôi chùa được xây dựng trong thời kỳ phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử như: Chùa Vĩnh Nghiêm ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng; chùa Yên Mã, ở thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng; chùa Hòn Tháp (hay Sơn Tháp), ở thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý; chùa Đọ, ở thôn Đọ Làng, xã Cương Sơn; chùa Chản, ở thôn Chản Làng, xã Yên Sơn; chùa Đồng Vành, ở thôn Đồng Vành, xã Lục Sơn; chùa Đám Trì, ở thôn Đám Trì, xã Lục Sơn (các chùa này thuộc huyện Lục Nam); chùa Hưng Vũ (chùa Chể), ở thôn Chể, xã Phượng Sơn; chùa Hàm Long, ở thôn Nam Điện, xã Nam Dương; chùa Biềng, tên chữ là Vĩnh Phúc Thiền Tự, ở thôn Biềng, xã Nam Dương (các chùa này thuộc huyện Lục Ngạn).

Sự phát triển của Thiền phái này đã để lại một di sản văn hóa đồ sộ, có tầm cỡ, đó là hệ tư tưởng Phật giáo, các kinh sách, cùng hệ thống các chùa tháp. Tại huyện

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Lục Ngạn, di sản tiêu biểu của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là chùa Am Vãi ở thôn Biềng, xã Nam Dương. Chùa tọa lạc trên đỉnh cao nhất của núi Am Vãi, nhìn về hướng Đông, trước chùa không xa là dòng sông Lục Nam chảy qua. Núi rừng Yên Tử nói chung và núi Am Vãi nói riêng là nơi linh thiêng, còn dòng sông Lục Nam không chỉ đóng vai trò là cảnh quan hài hòa, đăng đối với núi non trùng điệp, mà nó còn có vai trò quan trọng trên con đường hoằng dương Phật pháp. Theo dòng sông Lục Nam xuôi về hạ lưu, người tu hành có thể đến nhiều chùa trong vùng Tây Yên Tử, đặc biệt là dễ dàng đến "Học viện Phật giáo Vĩnh Nghiêm" buổi đương thời để nghe thuyết pháp, giảng đạo. Hơn nữa, từ đây người tu hành có thể đi đến các trung tâm Phật giáo khác trong vùng như: Côn Sơn (Hải Dương), Quỳnh Lâm (Đông Triều), thậm chí cả chùa Báo Ân (Gia Lâm, Hà Nội) và Kinh đô Thăng Long... Đến nay, đã có một số nghiên cứu đề cập đến chùa Am Vãi, trong đó bao gồm sách, bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành, luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ bước đầu đề cập, giới thiệu ngắn gọn về chùa Am Vãi, mà chưa có một nghiên cứu sâu, toàn diện về nơi đây (2). Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa, kế thừa các tư liệu chính sử và một số nghiên cứu gần đây, bài viết tập trung vào: Xác định các thời điểm xây dựng chùa Am Vãi; làm rõ tên gọi chùa Am Vãi; nhận diện quy mô và cấu trúc chùa Am Vãi.

2. Tên gọi chùa Am Vãi

Hiện nay, tại chùa Am Vãi không có nguồn tư liệu cổ xưa lưu lại tên ban đầu của chùa. Nguồn tư liệu duy nhất lấy làm cơ sở để nhận biết tên gọi của chùa này là sách *Đồng Khánh địa dư chí* và *Lục Nam địa chí*. Tuy nhiên, các sách này không ghi trực tiếp tên của chùa, mà chỉ ghi tên núi là 庵 娓 山 - Am Vãi sơn (*núi Am Vãi*). Ở đây, người xưa đã lấy tên núi đặt tên cho chùa. Do vậy, tên ban đầu của chùa chỉ tồn tại trong dân gian và được nhân dân bảo lưu qua thời gian. Một điều lưu ý là, tên gọi *vãi* là một từ Nôm, được ghép bởi hai chữ: nữ (女), *nghĩa là người phụ nữ* và vĩ (尾), *nghĩa là sau, là đuôi*, trong đó từ nữ chỉ ý và từ vĩ chỉ âm. Hai từ này ghép lại thành một từ Nôm gọi là vãi (娓). Hơn nữa, trong tiếng Hán không có từ *vãi*, mà chỉ có từ *vỉ* 娓 (từ này không rõ nghĩa). Nên trường hợp này, có thể người xưa đã dùng hai cách sau để đặt tên cho chùa: *một là*, dùng hai chữ Hán là nữ và vĩ ghép lại thành chữ vãi; *hai là*, dùng chữ vỉ trong tiếng Hán để chuyển âm sang chữ Nôm và đọc là vãi.

Về tên gọi chùa Am Vãi/Ni (庵 娓/尼), chúng tôi cho rằng có thể ban đầu nơi đây chỉ được gọi với tên có 2 âm tiết là *Am Vãi*, như bản chất sơ khai của nó là nơi tu hành của người phụ nữ/ nhà sư nữ. Tuy nhiên, vì là nơi thờ Phật nên theo thời gian, nhân dân đã ghép thêm từ *chùa* vào trước hai từ *am vãi* tạo thành tên gọi có 3 âm tiết là *chùa Am Vãi*. Tên gọi *am* (庵), theo tiếng Hán chỉ là cái nhà tranh nhỏ, hay cái nhà nhỏ thờ Phật (3), còn tên *vãi* (娓), là một tên Nôm, ý chỉ một người phụ nữ theo đạo Phật, hay cũng có thể gọi là vị sư nữ. Ghép hai từ này lại, chúng ta có tên gọi là Am Vãi, với ý chỉ *một cái am nhỏ thờ Phật và có vị sư nữ trụ trì, trông nom hương khói*... Theo quan niệm dân gian, vãi cũng được hiểu là các Phật tử có tâm theo Phật. Trong nhiều văn bia cổ ở các chùa làng hiện nay còn lưu giữ và cho biết việc cúng hậu, công đức trùng tu, xây mới chùa, đúc chuông... đều thấy sự đóng góp của hội vãi trong làng. Do vậy, hội vãi ở đây ý để chỉ một nhóm phụ nữ trong làng thường qua lại chùa và làm những công việc thiện nơi cửa Phật. Ngày nay cũng vậy, tại các chùa

Bảng 1: Tên gọi một số am và chùa

Stt	Tên chung	Tên riêng	Tên đầy đủ
1	Am	Ngọa Vân	Am Ngọa Vân
2	Am	Dược Sơn	Am Dược Sơn
3	Am	Hồ Thiên	Am Hồ Thiên
4	Am	Thung	Am Thung
5	Am	Một mái	Am Một mái
6	Chùa	Hồ Bấc	Chùa Hồ Bấc
7	Chùa	Hàm Long	Chùa Hàm Long
8	Chùa	Thanh Vân	Chùa Thanh Vân
9	Chùa	Vĩnh Phúc	Chùa Vĩnh Phúc
10	Chùa	Hưng Vũ	Chùa Hưng Vũ

làng, chúng ta thường thấy các bà, các mẹ thường xuyên đến chùa và tụng kinh niệm Phật vào các ngày mùng 1 hoặc Rằm hàng tháng, nhưng họ chưa xuất gia tu hành theo Phật, nên thường gọi là các vãi. Thực tế đặt ra hiện nay là, nên gọi và viết là chùa Am Vãi, chùa Am Ni hay Am Vãi, Am Ni?

Nếu đọc là *chùa Am Vãi* hoặc *chùa Am Ni*, chúng tôi cho rằng chưa hoàn toàn đúng và tồn tại mâu thuẫn trong cách dùng từ, vì ở đây giữa tên gọi *chùa* và *am* đều là danh từ chung, chỉ một đối tượng, một địa điểm tâm linh, nơi thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng. Còn vãi và ni là danh từ riêng. Từ vãi chúng tôi vừa trình bày ở trên, còn từ ni (尼) cũng là từ chỉ một phụ nữ đi tu theo Phật, giống như tên gọi Tỳ khưu ni (tức người phụ nữ tu theo Phật). Do vậy, ở đây chỉ cần dùng một trong hai danh từ chung là *chùa* hoặc *am* ghép với một trong hai danh từ riêng là *vãi* hoặc *ni* là thành một tên đầy đủ. Để minh họa cho điều này, chúng tôi đưa ra công thức cấu thành tên gọi của một điểm di tích, nơi thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng, cụ thể như sau: *Tên chung + Tên riêng = Tên di tích* (*xem bảng 1*).

Nếu đọc là Am Vãi hoặc Am Ni sẽ chính xác hơn, vì nó đảm bảo trật tự, hơn nữa nó cũng phản ánh đúng tính chất ban đầu của chốn linh thiêng này, vốn là một am nhỏ do người phụ nữ đến chùa tu theo Phật. Hơn nữa, theo quan niệm và cách phân chia của dân gian thì chùa thường to hơn am. Do vậy để chính xác hơn, chúng tôi cho rằng nên gọi và viết là Am Vãi, thay cho chùa Am Vãi, chùa Am Ni.

Ngoài những tên gọi nêu trên, trong dân gian chùa Am Vãi còn được gọi là chùa Cao, do chùa ở trên đỉnh núi, nên nhân dân thôn Biềng muốn phân biệt với chùa Biềng (Vĩnh Phúc Thiền tự), ngôi chùa ở chân núi ngày nay vẫn còn. Tuy nhiên, tên gọi chùa Cao không phổ biến, mà chỉ nhân dân trong thôn, trong xã biết đến.

3. Chùa Am Vãi xây dựng từ thời Trần

Nếu căn cứ vào ghi chép trong sách *Lục Nam địa chí*, thì chùa Am Vãi có từ thời Trần, nguyên văn như sau: 庵 娓 山 在 南 奠 社 東 北 高 数 千 丈 上 山 四 望 東 潮 諒 江 諸 路 皆 歷 歷 可 数 一 井 在 絕 嶺 處 水 甚 清 洌 又 有 古 寺 相 傳 爲 陳 公 主 出 家 住 持 之 所 (4) - *Phiên âm*: Am Vãi sơn tại Nam Điện xã Đông Bắc cao số thiên trượng thượng sơn tứ vọng Đông Triều Lạng Giang chư sơn lộ giai lịch lịch khả số nhất tỉnh tại tuyệt lĩnh xứ thủy thậm thanh liệt hựu hữu cổ tự tương truyền vi Trần Công Chúa xuất gia trụ trì chi sở - *Tạm dịch*: Núi Am Vãi ở phía Đông Bắc xã Nam Điện, cao nghìn trượng, lên núi nhìn bốn phía xung quanh thấy các núi ở Đông Triều, Lạng Giang. Đường đi qua đều rất dài. Trên đỉnh núi rất cao có một cái giếng, nước trong leo lẻo, lại có một ngôi chùa cổ, tương truyền Công chúa nhà Trần đã xuất gia và tu hành ở đây.

Những ghi chép của chính sử triều Nguyễn cho thấy phần nào diện mạo của chùa Am Vãi. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía Nam huyện Lục Ngạn, mạch núi từ Phật Sơn và Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng, nước trong không bao giờ cạn, cạnh núi có 2 cái bồn bằng đá, trên núi có nền chùa cũ" (5). Sách *Đồng Khánh địa dư chí*

cũng chép: "Núi Am Vãi ở xã Nam Điện, mạch núi từ núi Nham Phật chạy đến. Thế núi cheo leo dốc đứng, cây cối xanh tốt, phía bên trái có một cái giếng nước rất trong, bốn mùa không cạn, bên giếng có hai chậu đá, phía trên có di tích nền chùa, nhưng hiện nay rêu phong mây phủ, không khảo được sự tích" (6). Những ghi chép nêu trên không chỉ cho biết cảnh quan, nơi tọa lạc của chùa, những vết tích rất ít của chùa còn lại sau khi đã bị mai một, đó là: nền chùa cũ, giếng nước, bồn (chậu) đá, mà còn cung cấp thông tin vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX (7), chùa đã bị hoang phế.

Để có thêm cơ sở xác định chùa Am Vãi được dựng từ thời Trần, chúng tôi đã phân tích thêm một số nguồn tư liệu trong văn bia *Thanh Mai Viên Thông tháp bi* (Văn bia chùa Thanh Mai), dựng năm 1362, tại chùa Thanh Mai, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Văn bia cho biết: "Tháng 9 (1313), Sư (tức Đệ Nhị tổ Pháp Loa) phụng chiếu đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang, quy định các chức vụ của tăng sĩ trong cả nước và bổ nhiệm người trụ trì đến hơn 100 ngôi già lam (chùa). Chư tăng trong nước từ đó mới có sổ bộ và đều được trông coi chùa. Bấy giờ, Sư độ hơn 1.000 người. Về sau, cứ 3 năm độ tăng một lần, mỗi lần khoảng dưới nghìn người" (8). Ở trên đã nêu, Pháp Loa là người kế tục lâu nhất trong số Tam tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Chính trong thời kỳ của Pháp Loa, nhiều chùa tháp đã được xây dựng, nhiều kinh Phật được khắc in, nhiều tăng ni được độ theo Phật. Văn bia này cũng cho biết thêm: "Tháng 8 năm 1329, Sư truyền giới xuất gia cho Tuyên Chân Công chúa, ái nữ của Quốc phụ Thượng tể (tức con của Trần Quốc Chẩn (1281-1228) - TG chú); tháng 9 năm 1329, Sư truyền giới xuất gia cho Lê Bảo Công chúa, ái nữ Chiêu Văn vương (tức con của Trần Nhật Duật (1255-1330) - TG chú)" (9).

Các công chúa nhà Trần xuất gia theo Phật, sách *Tam tổ thực lục* cho biết thêm: "Năm này (1319 hoặc 1320 - TG nhấn mạnh) trời hạn, có chiếu sai Sư cầu mưa, Sư khiến Sa-môn Thu Tử cầu, được ứng nghiệm Quốc phụ Thượng tể mời Sư đến ở chùa Thiên Linh, phủ An Hoa, giảng Đại Tuệ Ngữ Lục. Nhân lúc nghỉ tại chùa Báo Thiên, Hoa Dương Công chúa thỉnh Sư thuyết pháp và truyền giới tại gia cho công chúa và các người khác. Hoa Dương là công chúa thứ sáu của Thái Tông, đã gả cho Bối Trí vương" (10). Đến "Năm Canh Ngọ, niên hiệu Khai Hựu thứ hai (1330), Sư (Pháp Loa) 47 tuổi, Rằm tháng giêng, Đại sư Kiên Đức ở An Lạc và Thí chủ Lệ Bảo Công chúa mời sư về An Lạc tàng viện, giảng lại hai hội thứ nhất và thứ nhì (kinh Hoa Nghiêm)" (11).

Đối chiếu những ghi chép trong *Thanh Mai Viên Thông tháp bi* và *Tam tổ thực lục* với những dòng ghi chép trong sách *Lục Nam địa chí* viết về chùa Am Vãi là: "tương truyền công chúa nhà Trần đã đến đây tu hành", cho chúng ta một vài suy nghĩ về thời điểm chùa Am Vãi ra đời, cũng như người trụ trì (Công chúa nhà Trần) đầu tiên ở đây.

Chúng tôi cho rằng dưới thời Trần, các công chúa xuất gia tu hành khá nhiều, nhưng qua các tư liệu nêu trên, chúng ta mới chỉ biết có 4 vị công chúa là: Tuyên Chân Công chúa, Lê Bảo Công chúa, Hoa Dương Công chúa, Lệ Bảo Công chúa đã từng xuất gia theo Phật. Vậy trong số các Công chúa này, có ai trong số họ đến trụ trì ở chùa Am Vãi? Đây là một câu hỏi cần có thêm tư liệu để trả lời. Một lưu ý là, các Công chúa này đều đã theo Phật trong thời gian tu tập của Pháp Loa.

Qua đây bước đầu có thể thấy rằng, chùa Am Vãi nhiều khả năng được xây dựng vào

đầu thế kỷ XIV, dưới thời Đệ Nhị tổ Pháp Loa tu tập. Như đã trình bày, giai đoạn này có nhiều chùa, tháp được xây mới, nhiều tăng ni được độ theo Phật. Đặc biệt hơn, là sự hiện diện của các Công chúa nhà Trần đã xuất gia theo cửa Thiền, trong số đó có người đã lên chùa Am Vãi trụ trì. Điều này cũng phù hợp với ghi chép mang tính tương truyền của sách *Lục Nam địa chí*.

Những cố gắng của Tam tổ Trúc Lâm đến khi Huyền Quang viên tịch năm 1334, là khoảng thời gian Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử phát triển cực thịnh. Giai đoạn sau đó, đặc biệt là vào cuối thế kỷ XIV, Phật giáo dần giảm vai trò trong xã hội, đến khi vương triều Lê sơ thành lập đầu thế kỷ XV, với việc coi trọng Nho giáo, nên Phật giáo đã mất đi vị trí độc tôn. Chính vì lý do này, những sinh hoạt Phật giáo trong nhân dân và nhiều chùa tháp cũng dần mai một. Điều này đồng nghĩa với đời sống Phật giáo ở chùa Am Vãi không còn duy trì. Vương triều Lê sơ tồn tại trong khoảng 100 năm (1428-1527). Sau thời gian trị vì của vua Lê Thánh Tông (1460-1497), những dấu hiệu suy yếu bắt đầu xuất hiện. Không lâu sau, nhà Mạc lên nắm quyền và vai trò của nhà Lê Trung hưng, cũng từ đây sinh hoạt Phật giáo trong xã hội dần được coi trọng và là tiền đề để trên từ vương công, quý tộc, dưới đến thường dân cùng nhau góp công, góp sức xây mới, phục dựng lại nhiều chùa tháp.

4. Dấu ấn xây dựng thời Lê Trung hưng

Chùa Am Vãi, trong ghi chép của sử sách nhà Nguyễn và *Lục Nam địa chí* chỉ nhắc đến nền chùa cũ, giếng nước, bồn đá, mà không đề cập tới các tháp đá cùng các hạng mục khác. Trong khi đó, những dấu vết thời Trần (thế kỷ XIV) ở chùa và giai đoạn tiếp theo hiện nay không còn và không có sách vở ghi lại. Có thể, dưới thời Lê sơ, chùa đã bị đổ nát. Đến thời Lê Trung hưng, Phật giáo được chú trọng phát triển, nên chùa Am Vãi tiếp tục trở thành nơi đến sinh hoạt Phật giáo và trụ trì của các nhà sư và Phật tử.

Kết quả khảo sát tại chùa Am Vãi cho thấy dấu vết của 3 ngôi tháp đá. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau vào khoảng những năm 70 thế kỷ XX, các tháp này đã bị phá hủy. Đến năm 1998, cùng với việc dựng lại chùa, nhân dân thôn Biềng, xã Nam Dương đã thu nhặt và gắn ghép lại các phiến đá của 3 ngôi tháp trên, dựng lại thành 1 ngôi tháp có tên là 蓮 花 寶 塔 - Liên hoa bảo tháp (*Tháp quý hình hoa sen*), nhưng không nguyên vẹn như ban đầu. Hiện nay, chùa Am Vãi chỉ còn 1 ngôi tháp khá hoàn chỉnh, 2 ngôi tháp khác chỉ còn vết tích, nhưng vị trí ban đầu của 3 ngôi tháp này không bị dịch chuyển.

Ngôi tháp thứ nhất (Liên hoa bảo tháp), tháp một tầng, không có hoa văn trang trí, tổng chiều cao khoảng 320cm. Tháp được dựng lại, nên kết cấu tổng thể chưa hoàn chỉnh, chỉ có chóp tháp, mái tháp, thân tháp, đế tháp, móng tháp mà không có bệ tháp. Ngôi tháp này là tư liệu thực địa tin cậy để tìm hiểu một phần lịch sử chùa Am Vãi. Bên trong có bài vị khắc trực tiếp lên thân tháp, với dòng chữ như sau: 竹 林 圓 寂 摩 訶 不 蒼 比 丘 如 蓮 化 身 菩 薩 謹 位 - *Phiên âm*: Trúc lâm viên tịch ma ha bất thương Tỳ khưu Như Liên hóa thân Bồ tát cẩn vị - *Tạm dịch:* Bài vị của Tỳ khưu (khâu) Như Liên Ma ha bất thương đã hóa thân thành Bồ tát viên tịch về chốn tổ Trúc Lâm.

Phân tích cấu trúc và nội dung dòng bài vị nêu trên, chúng ta thấy một số chi tiết đáng chú ý như sau: 竹 林 圓 寂 - *Trúc Lâm viên tịch*: hiểu là người theo đạo Phật ở chùa Am Vãi thuộc Thiền phái Trúc Lâm

Yên Tử, đã mất (viên tịch); 摩訶不蒼比丘如蓮 - *Ma ha bất thương Tỳ khưu (khâu) Như Liên*: hiểu là người xuất gia theo đạo Phật ở chùa Am Vãi có tên là Tỳ khưu Như Liên. Ở đây cần nói thêm là, trong giới Phật, Tỳ khưu được chia thành 2 đối tượng (12): *Tỳ khưu* (chỉ nam giới xuất gia theo đạo Phật); *Tỳ khưu ni* (chỉ nữ giới xuất gia theo đạo Phật). Nếu căn cứ vào sự phân chia này, thì cốt được táng trong Liên hoa bảo tháp là sư nam tu theo Phật tại chùa Am Vãi.

Về tên tháp và bài vị khắc ghi bên trong, nghiên cứu cho rằng giữa chúng cũng có mối liên hệ với nhau, cơ sở của mối liên hệ này là bài vị ghi chữ: *tỳ khưu như liên* (比丘如蓮), trong khi đó tên tháp là: *liên hoa bảo tháp* (蓮花寶塔). Trong cụm từ *tỳ khưu như liên*, thì hai từ *tỳ khưu* là danh từ chung chỉ tên gọi trong giới Phật, đóng vai trò bổ ngữ cho danh từ riêng là *như liên*. Vậy từ *như liên*, nhiều khả năng là tên gọi của sư trụ trì có tro cốt táng trong tháp này. Còn trong cụm từ *liên hoa bảo tháp*, thì hai từ *liên hoa* là danh từ riêng, còn hai từ *bảo tháp* là danh từ chung đóng vai trò bổ ngữ cho danh từ riêng. Qua một số tên của các tháp chúng tôi khảo sát cũng góp phần làm rõ diễn giải này, như: Viên thông bảo tháp, Linh quang tháp, Phổ quang tháp (chùa Thanh Mai, Hải Dương); Tôn đức tháp, Thanh long tháp, Độ nhân tháp... (Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh). Tất cả các từ như: Viên thông, Linh quang, Phổ quang, Tôn đức, Thanh long, đều là những tên gọi riêng của từng tháp. Còn các từ: bảo tháp, tháp là danh từ chung bổ ngữ cho các từ vừa nêu. Trường hợp tên của tháp đá chùa Am Vãi, chúng tôi cho rằng *như liên* là pháp danh/pháp hiệu của sư trụ trì có tro cốt táng trong tháp, còn từ *liên hoa* là sự lưu lại một phần tên gọi đầy đủ của *Tỳ khưu Như Liên* khi viên tịch để đặt tên cho tháp. Ngoài ra, việc xác định rõ mối liên hệ này cũng góp phần khẳng định kết cấu tổng thể và các bộ phận hợp thành của ngôi tháp này là đồng bộ và không bị xáo trộn nhiều do quá trình chắp ghép để lại.

Để khẳng định thêm chùa Am Vãi là ngôi chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, chúng tôi đã đối chiếu với văn bia chữ Hán khắc trong Tháp Chân thường tại Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh, tháp dựng dưới triều vua Lê Thần Tông năm thứ 5 (1623). Nội dung văn bia có đoạn: 竹林比丘如歷覺圓慧善禪師化身 ... - *Phiên âm*: Trúc lâm Tỳ khưu Như Lịch Giác Viên Tuệ Thiện Thiền sư hóa thân... - *Tạm dịch*: Thiền sư theo Phật giáo Trúc lâm Yên Tử là Tỳ khưu Như Lịch Giác Viên Tuệ Thiện đã hóa thân... Từ việc đối chiếu này, chúng ta có cơ sở khẳng định rằng chùa Am Vãi là ngôi chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, vì bài vị trong tháp có khắc 2 từ trúc lâm (竹林) (13), như văn bia Tháp Chân thường đã ghi.

Xung quanh người trụ trì tại chùa Am Vãi, sách *Lục Nam địa chí*, phần chép về núi sông của huyện Lục Ngạn như trên đã dẫn cho biết như sau: 相傳爲陳公主出家住持之所 - tương truyền Công chúa nhà Trần đã xuất gia và tu hành ở đây. Đối chiếu nội dung bài vị trong Liên hoa bảo tháp với ghi chép của sách *Lục Nam địa chí*, chúng ta nhận thấy sự khác biệt là: Người viên tịch được táng trong Liên hoa bảo tháp là sư nam, vì dòng bài vị có chữ *tỳ khưu* (比丘) như đã phân tích ở trên; trong khi đó, sách *Lục Nam địa chí* lại chép tương truyền Công chúa nhà Trần đã đến đây tu hành. Qua đây, bước đầu có thể khẳng định tháp này không được dựng dưới thời Trần và không phải nơi lưu tro cốt của Công chúa nhà Trần tu hành ở đây. Quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy Liên

hoa bảo tháp ít khả năng được tạo dựng và có niên đại thời Trần như một số ý kiến của: Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, khi viết cuốn *Di tích và Danh thắng Tây Yên Tử*, sách đã minh họa ảnh và chú thích: "Liên hoa bảo tháp thời Trần" (14); "ở chùa Am Vãi (Âm Ni tự) được xây dựng từ thời Trần, trên vườn chùa còn ngôi tháp đá cổ thời Trần "*Liên Hoa bảo tháp* 蓮 花 寶 塔 (*Tháp báu Liên Hoa*)" (15); "Phật giáo Trúc Lâm còn phát triển nhánh lên vùng Lục Ngạn. Cho đến nay, cơ sở xác định điều đó được tư liệu Hán - Nôm ở chùa Am Vãi ghi chép. Trên vườn chùa còn ngôi tháp đá cổ thời Trần "Liên Hoa bảo tháp" (Tháp báu Liên Hoa)" (16) đó là:

Thứ nhất, khi công chúa nhà Trần đến chùa Am Vãi tu hành, thì không thể có một vị sư nam cùng đến trụ trì ở đây. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử phát triển mạnh trong hơn 30 năm đầu thế kỷ XIV, gắn với khoảng thời gian hoằng dương Phật pháp của 3 vị Tam tổ (17), nên nhiều khả năng đây cũng là thời điểm Công chúa nhà Trần đến chùa này tu hành. Trong trường hợp, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử không còn nhiều ảnh hưởng trong xã hội, thì ít nhất sinh hoạt Phật giáo ở chùa Am Vãi vẫn có thể tồn tại đến nửa cuối thế kỷ XIV. Tương ứng với thời gian này, người trụ trì tại chùa Am Vãi (tức Công chúa nhà Trần) mới viên tịch và sau đó việc dựng tháp được tiến hành. Do vậy, tòa Liên hoa bảo tháp được dựng vào thời Trần (nửa cuối thế kỷ XIV) là ít xảy ra. Giả sử sang nửa cuối thế kỷ XIV, Công chúa nhà Trần tu hành ở chùa Am Vãi viên tịch, mà người kế tục là một vị sư nam như thông tin trong bài vị của tháp, thì khi vị sư nam này viên tịch cũng đã bước sang thế kỷ XV (thời Lê sơ), chứ không thuộc khung niên đại thế kỷ XIV của thời Trần.

Thứ hai, thông qua so sánh loại hình và chất liệu giữa Liên hoa bảo tháp với một số tháp đá tại các chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, như chùa Thanh Mai (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương); ở Khu Di tích Yên Tử (Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh); Am Ngọa Vân, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh..., chúng tôi thấy giữa chúng mang những điểm tương đồng về hình dáng và khung niên đại.

Nghiên cứu của Mai Thùy Linh về các tháp ở Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh, cho thấy: "Tháp 1 tầng có mặt bằng hình vuông. Đế tháp không trang trí hoa văn. Bệ tháp hình tu di tọa. Thân tầng tháp hình thang cân. Mái tháp được tạo hình mui luyện, dáng mềm mại, đao mái được tạo rõ, uốn cong giống với mái đình chùa. Chóp tháp được tạc thành hình bình nước cam lộ. Tổng số có 11 tháp mang niên đại thế kỷ XVII - XVIII" (18). Có thể kể đến một số tháp như: Tháp Độ Nhân, dựng năm Vĩnh Hựu thứ 4 (1738); Tháp Tự Tuệ, dựng năm Mậu Dần (1758); Tháp Tịnh Trụ, dựng năm 1752; Tháp Hoa Quang, dựng năm Tân Mão, (1771); Tháp Chân Thường, dựng vào niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 5 (1739) (19).

Tại Am Ngọa Vân, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Anh, ban đầu am này cũng là một nơi tu hành quy mô nhỏ như chùa Am Vãi, trải qua thời gian cũng bị mai một. Đến thời Lê Trung hưng, Phật giáo được coi trọng, nên nhiều hạng mục tại Am Ngọa Vân được phục dựng với quy mô rộng hơn, trong đó có việc dựng các tòa tháp: "Dưới thời Lê Trung hưng, tại đây có 2 tòa tháp bằng đá, tháp thứ nhất [...] là tháp thờ Phật (Phụng Phật tháp - 奉 佛 塔); tháp thứ hai [...] là tháp mộ của một vị

thiền sư, theo bài vị đặt trong tháp thì vị sư này thuộc Thiền phái Trúc Lâm..." (20).

Ngoài ra, hình dáng của Liên hoa bảo tháp cũng gần giống Linh Quang tháp ở chùa Thanh Mai, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, tháp này dựng (tu sửa?) năm Chính Hòa thứ 24 (1702).

Qua so sánh loại hình giữa Liên hoa bảo tháp ở chùa Am Vãi với các tháp ở Khu Di tích Yên Tử và Am Ngọa Vân, chúng tôi nhận thấy, các tháp ở khu vực này có kiểu dáng tương đồng với tòa Liên hoa bảo tháp. Đặc biệt hơn, các tháp có niên đại cụ thể tại Khu Di tích Yên Tử, đều thuộc thời Lê Trung hưng.

Từ những tư liệu đã phân tích, so sánh ở trên, chúng tôi thấy rằng Liên hoa bảo tháp không thể xây dựng dưới thời Trần (thế kỷ XIV). Hơn nữa, tháp này cũng không phải nơi táng tro cốt của Công chúa nhà Trần, người đã đến đây tu hành như ghi chép của *Lục Nam địa chí*, mà tro cốt trong tháp là của một nhà sư nam đến trụ trì trong một vài thế kỷ sau. Chúng tôi cho rằng, Liên hoa bảo tháp được xây dựng dưới thời Lê Trung hưng thế kỷ XVI -XVIII, khi Phật giáo được chấn hưng trở lại sau thời gian dài Nho giáo chiếm ưu thế trong xã hội. Cụ thể hơn, Liên hoa bảo tháp nhiều khả năng được dựng vào thế kỷ XVIII.

Ngôi tháp thứ hai, chỉ còn lại phế tích, cũng được gắn ghép lại vào năm 1998. Tuy nhiên, khi gắn ghép do thiếu nhiều bộ phận cấu thành, nên nó chỉ là những phiến đá chồng lên nhau. Từ những phế tích này, chúng tôi đã phát hiện ra dòng chữ ghi niên đại là: 戊午年作 - Mậu Ngọ niên tác (*Tạo dựng năm Mậu Ngọ)*. Với dấu tích này, thật khó để xác định nó là hợp phần của ngôi tháp nào trong số 3 ngôi tháp đã bị phá hủy. Chúng tôi cho rằng, phiến đá ghi niên đại nhiều khả năng nằm ở vị trí tiếp giáp giữa thân tháp với mái tháp. Và thực tế càng khó khăn hơn khi dòng niên đại này không gắn với niên hiệu một triều vua cụ thể để làm cơ sở xác định thời điểm dựng tháp rõ hơn. Chúng tôi chỉ có thể xác định và thống kê các năm Mậu Ngọ (*xem bảng 2*) xuất hiện trong khoảng thời gian từ khi chùa Am Vãi được xây dựng (khoảng đầu thế kỷ XIV), đến thời điểm chùa bị hoang phế như sử thời Nguyễn đã chép.

Từ bảng 2, việc xác định cụ thể tháp được xây vào năm Mậu Ngọ nào và thuộc triều đại nào là việc rất khó và cần thêm tư liệu.

Ngôi tháp thứ ba, chỉ là những mảnh vỡ của các phiến đá ghép lại và không tạo nên hình thù cụ thể. Chúng tôi cũng chưa tìm được dấu vết hoa văn hay chữ viết trên phế tháp này để góp phần nhận diện rõ hơn.

Một điều chắc chắn là, chùa Am Vãi xưa có 3 ngôi tháp, nhưng ngày nay chỉ còn lại 1 ngôi khá hoàn chỉnh, 2 ngôi kia không rõ hình dáng và niên đại tạo dựng, mà chỉ còn

Bảng 2: Thống kê các năm Mậu Ngọ từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX

Stt	Các năm Mậu Ngọ	Triều vua	Thế kỷ	Ghi chú
1	1318	Trần Minh Tông	XIV	Thời Trần
2	1378	Trần Phế Đế	XIV	
3	1438	Lê Thái Tông	XV	Thời Lê sơ
4	1498	Lê Hiến Tông	XV	
5	1558	Lê Anh Tông	XVI	Thời Lê Trung hưng
6	1618	Lê Kính Tông	XVII	
7	1678	Lê Hy Tông	XVII	
8	1738	Lê Ý Tông	XVIII	
9	1798	Tây Sơn (Quang Toản)	XVIII	Thời Tây Sơn, Nguyễn
10	1858	Vua Tự Đức	XIX	

lại phế tích. Nhiều lần khảo sát thực địa tại chùa Am Vãi, chúng tôi đã tìm thấy 2 hợp phần của mái tháp, thuộc 2 ngôi tháp khác nhau, đây là vị trí cao nhất của mái tháp được dùng để đặt chóp tháp (21). Các di vật này xê dịch cách xa vị trí ban đầu của tháp. Từ hai di vật mới phát hiện này, chúng tôi hoàn toàn có đủ cơ sở để khẳng định chùa Am Vãi có 3 ngôi tháp như nhân dân đã kể lại.

Với tòa Liên hoa bảo tháp, chúng tôi cho rằng, nó được dựng lên vào thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVIII), ngôi tháp này chứa tro cốt của vị sư nam, pháp hiệu là Tỳ khưu Như Liên. Cũng từ tháp này, có thể khẳng định dưới thời Lê Trung hưng, chùa Am Vãi vẫn tồn tại sinh hoạt Phật giáo.

5. Quy mô và cấu trúc chùa Am Vãi

Trước hết, chúng tôi cho rằng, đây là một ngôi chùa có quy mô nhỏ và thực chất chỉ là một am thờ Phật, vì như trên đã trình bày và theo quan niệm dân gian từ xưa tới nay, các nơi thờ tự như: am, miếu, điện,... ở hầu hết các làng quê đều được xây dựng quy mô nhỏ. Điều chắc chắn rằng, nếu là am thì luôn nhỏ hơn các ngôi chùa có cấu trúc, quy mô theo lối kiến trúc hình chữ chữ tam, chữ đinh, hoặc kiến trúc nội công ngoại quốc...

Tương tự như chùa Am Vãi, có một di tích nằm trong vùng Đông Yên Tử liên quan mật thiết tới Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, đó là Am Ngọa Vân trên núi Ngọa Vân ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, là nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông tu hành và hóa tại đây, ban đầu nơi đây chỉ có quy mô nhỏ như tên gọi của nó. Qua thời gian, Am Ngọa Vân được mở rộng hơn. Nhưng ở đây, Am Ngọa Vân và chùa Am Vãi là hai trường hợp có vị thế và vai trò khác nhau. Am Ngọa Vân là nơi gắn với Phật hoàng Trần Nhân Tông, trong khi đó, chùa Am Vãi chỉ là địa điểm tu tập của một Công chúa nhà Trần, cho nên: "Dưới sự hỗ trợ của Thượng hoàng Trần Anh Tông, Pháp Loa đã xây dựng Ngọa Vân từ chỗ chỉ là một am nhỏ nơi Phật hoàng tu luyện, trở thành một quần thể chùa tháp" (22).

Trước khi chưa có những kết quả thám sát và khai quật khảo cổ để làm rõ dấu vết kiến trúc và quy mô của chùa Am Vãi, thì qua những ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* và *Đồng Khánh địa dư chí* về nơi này, chúng ta biết chùa chỉ còn lại nền cũ: "Núi Am Vãi: ở xã Nam Điện [...], phía trên có di tích nền chùa, nhưng hiện nay rêu phong mây phủ, không khảo được sự tích" (23), và nền chùa cũ rộng dài ra sao, quy mô như thế nào thì sách này không chép rõ, vì dấu vết trên thực địa đã bị tàn phá.

Trong khi đó, sách *Địa chí Bắc Giang* cho biết, chùa Am Vãi về sau cũng được xây dựng, mở mang rộng rãi, quy mô bề thế theo mô hình kiến trúc nội công ngoại quốc, có đủ các hạng mục: "Theo dấu tích còn lại đây là một công trình kiến trúc cổ, có quy mô lớn, xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc hoàn chỉnh, gồm tòa tiền đường 5 gian nối với hậu cung (Phật điện) 3 gian, sau giáp rừng cây đỉnh núi 5 gian (hậu đường). Hai bên Phật điện nối từ tiền đường xuống hậu đường là hai dãy hành lang dài. Bên trái chùa là một sân nhỏ có ba hàng đá kè hiên có lẽ là dấu tích nhà tăng và nhà tạo soạn [...]. Tòa tiền đường nền dài 20m, rộng 5m5, Tam bảo nền dài 10m, rộng 6m, Hành lang trái: dài 15m, rộng 3,80m, Hậu đường dài 15m, rộng 7m, Hai tháp đá kích thước: 1m x 1,1m, mỗi tháp cách nhau 3-4m" (24).

Gần đây nhất vào năm 2016, cùng quan điểm với *Địa chí Bắc Giang*, Bảo tàng tỉnh

Bắc Giang cũng cho rằng, đến thời Lê, chùa Am Vãi cũng được xây theo lối kiến trúc nội công ngoại quốc: "trải qua thời gian, ngôi chùa cổ ấy đã bị đổ nát, nay chỉ còn nền móng đủ cả các tòa theo kiểu "Nội công ngoại quốc"" (25). Diện mạo của chùa Am Vãi mới được trùng tu những năm đầu thế kỷ XXI cho biết tòa Tiền đường dài 11,72m, rộng 6,12m, cao từ nền đến nóc là 4,5m. Tòa Thượng điện rộng 3 gian, chiều dài là 5,51m, chiều rộng là 5,62m, cao từ nền đến nóc 4,27m (26).

Đối chiếu không gian hiện tại của chùa so với không gian cổ xưa, đặc biệt là các ý kiến cho rằng chùa có cấu trúc nội công ngoại quốc, chúng tôi thấy nơi đây đã thay đổi rất nhiều, đặc biệt là mặt tiền của chùa. Để hình dung rõ không gian, mặt bằng của chùa Am Vãi, chúng tôi đã đo chiều dài (hướng Bắc Nam), chiều rộng (hướng Đông Tây) của chùa và có các thông số như sau: Chiều rộng tính từ chân núi kéo ra lối đi sát sân chùa là 41,4m. Trong đó, các số đo chi tiết như sau: Khoảng cách từ chân núi (lấy giới hạn là các mỏm đá tự nhiên) đến tường Tam bảo là 7m; Tam bảo dài 5,5m; tiếp đến là Tiền đường rộng 5,7m; sân rộng 20m; lối đi rộng 3,2m. Chiều dài hướng từ lối lên chùa đi ra khu vực ao và giếng khoảng 45m (tức là chiều dài toàn bộ sân chùa).

Các cụ thôn Biếng cho biết, vị trí hiện nay của chùa được dựng trên nền cũ. Nếu so sánh số đo hai chiều rộng, dài mà chúng tôi có là 41,4m x 45m, thì kích thước này không đủ cho một mặt bằng của mô hình chùa theo lối kiến trúc nội công ngoại quốc. Hiện tại, chùa có hình chữ *đinh* đã chiếm gần hết mặt bằng ngang dọc, nếu thêm các hợp phần khác như thiêu hương để tạo thành chùa có hình chữ *công* và thêm các hành lang bên trái, bên phải và nhà tổ/hậu đường ở sau cùng, thì mặt bằng hiện tại không đủ để bài trí các hạng mục của kiến trúc nội công ngoại quốc.

Đặc biệt hơn, mặt bằng thực địa hiện nay cho thấy, phía sau chùa sát chân núi và ở bên trái, bên phải cách chùa không xa, vẫn còn các ụ đá tự nhiên nhô cao hơn mặt đất. Những ụ đá tự nhiên này như mốc giới hạn khống chế quy mô mặt bằng của chùa. Trường hợp chùa xây theo mô hình nội công ngoại quốc, thì các ụ đá này nằm trong không gian mặt bằng kiến trúc và tất nhiên chúng sẽ bị phá đi. Nhưng đến ngày nay, các ụ đá này vẫn nguyên vẹn, điều đó chứng tỏ mặt bằng di tích qua thời gian không thay đổi. Thực tế này càng khẳng định rằng, mô hình chùa nội công ngoại quốc khó được xây dựng ở đây. Một chi tiết nữa cho phép chúng tôi củng cố quan điểm không tồn tại kiến trúc nội công ngoại quốc đó là ba ngôi tháp đá xưa vẫn ở vị trí cũ, nếu chùa được xây theo lối kiến trúc nội công ngoại quốc, thì dãy hành lang bên phải của chùa chắc chắn chạy qua vị trí của các tháp này.

Căn cứ vào mặt bằng thực tế hiện nay của chùa Am Vãi, so sánh với kích thước và các thông số của sách *Địa chí Bắc Giang* và tư liệu Lý lịch chùa Am Vãi, chúng tôi nhận thấy nếu đặt mô hình kiến trúc nội công ngoại quốc vào không gian và mặt bằng hiện tại của chùa Am Vãi thì cần một không gian rộng hơn.

Góp phần vào tạo nên quy mô và cấu trúc của chùa trong chỉnh thể chung, các sách *Đại Nam nhất thống chí* và *Đồng Khánh địa dư chí* cho biết thêm chùa còn có giếng nước ở bên trái, nước trong không bao giờ cạn, và có 2 chiếc bồn (chậu) đá. Lần theo những ghi chép của các sách này, chúng tôi thấy, hiện nay ở chùa có 2 giếng, chúng đều ở bên phải chùa (lấy hướng chùa nhìn ra). Trong đó, giếng thứ nhất nằm sát và ngang bằng độ cao nền chùa, giếng thứ

hai thấp hơn và cách chùa khoảng gần 100m. Nếu lấy hướng chùa nhìn ra làm chuẩn, thì các giếng được đặt ở bên phải. Trong khi đó, những ghi chép của hai bộ sử nhà Nguyễn cho biết giếng ở bên trái, có lẽ trong khi chép sử, người viết đã đứng ở phía ngoài nhìn vào chùa, cho nên giếng được mô tả ở bên trái.

Chúng tôi cho rằng, nếu đứng ở chùa Am Vãi nhìn ra hoặc đứng ở ngoài nhìn vào để mô tả vị trí của giếng đều phù hợp, bởi lẽ căn cứ vào vị trí hiện nay của các giếng thì các mạch nước từ núi chảy ra vẫn tương ứng với vị trí của 2 giếng hiện nay. Trong khi đó, bên trái của chùa không có mạch nước từ núi chảy ra để tạo thành giếng. Theo nhân dân thôn Biềng kể lại, 2 giếng này xưa kia chỉ là một vũng nhỏ tụ nước, trong những năm đầu thế kỷ XXI, sư trụ trì và nhân dân thôn Biềng đã tận dụng các mạch nước này và đào sâu, kè đá, xây thành và làm khang trang như ngày nay. Theo ghi chép của chính sử nhà Nguyễn, các mạch nước này được ghi là "giếng", nhưng theo quan điểm của chúng tôi đó chỉ là mạch nước từ núi chảy ra và đọng lại thành một nơi chứa nước, chứ hoàn toàn không có một chiếc giếng nào được đào sâu, kè đá quây tròn như chúng ta thường thấy trong thực tế. Đến nay, các giếng này quanh năm đầy ắp, bốn mùa nước trong không bào giờ cạn, đúng như ghi chép của sử nhà Nguyễn. Như vậy, những ghi chép trong chính sử hoàn toàn có cơ sở sát thực, tuy nhiên chỉ có khác biệt là, sử nhà Nguyễn không ghi rõ số lượng bao nhiêu giếng, trong khi đó thực tế hiện nay chùa có 2 giếng. Đây là nội dung cần được làm rõ giếng nào được chính sử nhà Nguyễn đề cập đến.

Trở lại những ghi chép của sử nhà Nguyễn, cùng với việc cho biết chùa có giếng, thì nơi đây còn có 2 chiếc bồn (chậu) đá. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: "cạnh núi có 2 cái bồn bằng đá", còn *Đồng Khánh địa dư chí* chép cụ thể hơn: "bên giếng có hai chậu đá". Việc *Đồng Khánh địa dư chí* định vị rõ hơn hai chậu đá ở bên giếng, là một mô tả rất quan trọng đây là cơ sở cho phép xác định rõ một trong hai giếng nêu trên được sử nhà Nguyễn ghi.

Một điều rất may là, trải qua bao thăng trầm, hai chiếc bồn (chậu) đá này hiện nay vẫn còn nhưng không được đặt ở bên giếng mà nằm rải rác trước sân chùa. Hình dáng của chúng cũng không còn nguyên vẹn, toàn bộ thành bị vỡ, chỉ còn lại đế. Về hình dáng, các bồn đá gần giống chiếc cối đá nhưng kích thước to hơn. Nếu cối đá có lòng bên trong mặt cắt hình nửa quả trứng cắt đôi, thành và đáy dần thu nhỏ lại, thì lòng của bồn đá giống như tiết diện hình nón cụt chổng ngược, và có đáy bằng. Nhân dân ở đây gọi là thống. Hai chiếc bồn đá này có kích thước như sau: Chiếc thứ nhất (to) có kích thước: đáy dày 35cm, đường kính phủ bì 77cm, đường kính trong lòng 67cm, thành dày 11cm. Tổng chiều cao khoảng 65cm-70cm. Chiếc thứ hai (nhỏ) có kích thước: đáy dày 20cm, đường kính phủ bì 60cm, đường kính trong lòng 40cm, thành dày 10cm. Tổng chiều cao khoảng 45-50cm.

Như đã trình bày ở trên, giếng thứ nhất ở sát chùa, chiếc còn lại cách xa chùa khoảng 100m. Qua phân tích các thông tin liên quan đến 2 chiếc bồn đá, chúng tôi cho rằng, giếng thứ nhất là giếng được sử nhà Nguyễn ghi chép, bởi lẽ có hai chiếc bồn đá được đặt cạnh giếng, qua thời gian chúng bị dịch chuyển ra nhiều vị trí, nhưng vẫn quanh quẩn trước sân chùa. Thực tế này càng khẳng định rằng, giếng thứ 2 cách xa

chùa hoàn toàn không phải là giếng được chép trong sử nhà Nguyễn, vì nếu giếng này có 2 bồn đá đặt kề bên, thì khi dịch chuyển, chúng không thể dịch chuyển ngược lên sân chùa, mà phải dịch chuyển xuôi theo chiều dốc của địa hình sườn núi. Hơn nữa, các bồn đá này rất nặng, nên khả năng dịch chuyển ngược là khó xảy ra.

Cùng nằm trong không gian và cảnh quan cổ xưa, chùa còn một số hạng mục khác là hang tiền, hang gạo, bàn chân Phật, bàn chân tiên, bàn cờ tiên. Các thực thể này đã góp phần làm cho không gian tu tập nơi đây thêm linh thiêng và huyền bí.

Trong bối cảnh của quá trình Đổi mới đất nước và xu hướng phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống, năm 1998 nhân dân thôn Biềng đã tự giác đứng lên kêu gọi chính quyền và nhân dân ủng hộ công sức, tiền của để dựng lại chùa. Họ đã lập ra Ban tu tạo, tổ chức ra các nhóm phụ trách từng đầu việc. Từ đây đánh dấu một quá trình chùa Am Vãi luôn được tu tạo và trông nom để có diện mạo như ngày nay.

6. Nhận xét

Chùa Am Vãi nằm trong hệ thống chùa tháp, thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, có giá trị trên các phương diện lịch sử, văn hóa, tôn giáo... Trải qua thời gian, chùa đã bị xâm hại toàn bộ, nên đến nay các dấu vết cổ xưa hầu như không còn. Thực tế này đặt ra một thách thức khi nghiên cứu về lịch sử ra đời, quy mô, diện mạo và vị trí của chùa đặt trong hệ thống chùa tháp thuộc không gian lịch sử, văn hóa Phật giáo Trúc lâm Yên Tử nói chung và khu vực Tây Yên Tử nói riêng. Đặt chùa Am Vãi trong vùng Tây Yên Tử, đồng thời kết nối với hệ thống chùa tháp ở các huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Dũng, trong đó đặc biệt là chùa Vĩnh Nghiêm, sẽ thấy được giá trị và quy mô lan tỏa, cũng như di sản của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử để lại ở nơi đây.

Từ những cứ liệu khoa học đã trình bày ở trên, chúng tôi cho rằng chùa Am Vãi được ra đời từ thời Trần (thế kỷ XIV). Tuy nhiên, sự tồn tại liên tục của chùa không được duy trì. Do vậy, thông qua dấu vết hiện có chỉ cho phép chúng tôi nhận diện thêm thời gian tồn tại của chùa vào thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVI-XVIII), thông qua dấu vết của tháp đá. Một số ý kiến cho rằng, tháp đá này được dựng vào thời Trần, cũng như chùa có kiến trúc nội công ngoại quốc là không phù hợp.

Chùa Am Vãi hội đủ nhiều yếu tố và các hợp phần cấu thành như có sông, có núi. Bên cạnh đó, nơi đây còn có các đấu vết của Phật giáo thời kỳ sơ khai như: Bàn chân Phật, hang tiền, hang gạo, bàn cờ tiên, bàn chân tiên... Đặc biệt hơn, những vết tích cổ xưa còn sót lại ở chùa như: tháp đá, giếng nước, bồn đá, càng khẳng định thêm giá trị lịch sử, Phật giáo và văn hóa của chùa. Với những giá trị đó, chùa Am Vãi rất cần được tôn tạo và gìn giữ, nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng của nơi đây trong chiến lược phát triển của địa phương, cũng như làm giàu các giá trị mà Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử để lại.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 77.

(2). Đó là một số công trình như: Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Di tích và Danh thắng Tây Yên Tử*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2018; Giáp Thị Huyên, "Vài nét về chùa Am Vãi", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5-2006; Dương Ngô Ninh, "Một số đặc trưng của Phật giáo Trúc lâm thời Trần ở Bắc

Giang", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1-2018; Dương Ngô Ninh, "Sinh hoạt Phật giáo Trúc lâm ở tỉnh Bắc Giang hiện nay", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4-2018; Hoàng Thị Hoa, *Bảo tồn di sản văn hóa khu vực Tây Yên Tử gắn với phát trển du lịch*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học, bảo vệ tại Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia, Hà Nội, 2015; Nguyễn Văn Phong, *Nghiên cứu văn bia tỉnh Bắc Giang*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Hán Nôm, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016; Dương Ngô Ninh, *Giá trị của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, bảo vệ tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2020; Hoàng Thị Ngọc, *Di tích lịch sử-văn hóa thời Trần ở phía Tây Yên Tử*, luận văn Thạc sĩ Nhân văn, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, bảo vệ tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, 2016;...

(3). Xem Thiều Chửu, *Hán Việt từ điển*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 161.

(4). *Lục Nam địa chí* (bản chữ Hán), tư liệu lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 2037.

(5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 93.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 1, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 538.

(7). Sách *Đại Nam nhất thống chí*, được Quốc sử quán triều Nguyễn hoàn thiện dưới triều vua Tự Đức trị vì từ 1847 đến 1883. Tiếp theo triều vua Tự Đức là vua Đồng Khánh trị vì từ 1885 - 1889, bộ *Đồng Khánh địa dư chí* cũng được biên soạn thời gian này.

(8). Hội Sử học tỉnh Hải Dương, *Di sản Hán Nôm Hải Dương*, tập 1, Hải Dương, 1999, tr. 42-43.

(9). Hội Sử học tỉnh Hải Dương, *Di sản Hán Nôm Hải Dương*, tập 1, sđd, tr. 48.

(10). *Tam Tổ Thực Lục* (Thích Phước Sơn dịch và chú giải), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr. 47.

(11). *Tam Tổ Thực Lục* (Thích Phước Sơn dịch và chú giải), sđd, tr. 54.

(12). "Tỳ khưu (Bhikkhu), được giải thích như sau: 1. Người cận sự nam đủ 20 tuổi trở lên thọ Tỳ khưu gọi là: *Bhikkhu* (*Tỳ khưu*); 2. Người cận sự nữ đủ 20 tuổi trở lên thọ Tỳ khưu gọi là: *Bhikkhunī* (*Tỳ khưu ni*)", xem Tỳ khưu Hộ Pháp, *Nền tảng Phật giáo*, https://hoavouu.com. Truy cập ngày 11/12/2022. Sách *Tam tổ thực lục*, khi viết về việc cúng ruộng vào chùa Siêu Loại (tức chùa Báo Ân), có đoạn viết liên quan đến tên gọi Tỳ khưu ni, qua đó để làm rõ ý nêu trên như sau: "Trước đó, Đại Sư Thống Chính đã cúng một vườn cau để làm của Thường trụ chùa Siêu Loại, Điều Ngự sợ bất tiện nên bảo Anh Tông truất ra 100 mẫu ruộng làng Đội Gia và các canh phu đổi lấy vườn cau để làm phương tiện nuôi Tăng chúng. Lại lấy 25 mẫu ruộng làng Đại Từ của người cung phi của vua là Tỳ-kheo-ni Từ Chiêu cùng ngôi chùa của cô thêm vào đó" [Tam tổ thực lục, 1995: 41], nguyễn văn chữ Hán có đoạn như sau: "又以帝姬慈昭比丘尼大慈鄉田二十五畝 - Nghĩa là: Lại lấy 25 mẫu ruộng làng Đại Từ của người cung phi của vua là Tỳ-kheo-ni Từ Chiêu cùng ngôi chùa của cô thêm vào đó. Xem *Tam Tổ Thực Lục* (Thích Phước Sơn dịch và chú giải), sđd, tr. 41, 196 (phần chữ Hán).

(13). Cũng vậy, văn bia Tháp Tự Huệ (Tuệ), tại vườn tháp Hòn Ngọc, thuộc Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh có đoạn viết: "安子山花湮寺道場真俗二 ... 衆等承 ... 師于嗣慧寶塔其宗師 [...] 摩訶竹林覺了比丘号慧基字性晃禪師 [...] 皇朝景興十九年 - *Yên Tử sơn Hoa Yên tự đạo tràng chân tục nhị ... chúng đẳng thừa ... sư vu Tự Huệ (Tuệ) bảo tháp kỳ tôn sư [...] Ma ha Trúc lâm Giác Liễu Tỳ khưu hiệu Huệ (Tuệ) Cơ tự tính hoảng*

Thiền sư [...] Hoàng triều Cảnh Hưng thấp cửu niên - Dòng tư liệu cho biết tại Chùa Hoa Yên, núi Yên Tử là nơi đạo Phật tỏa sáng từ trong tâm đến mọi chúng sinh. ở đây có Thiền sư Ma ha Giác Liễu theo Phật phái Trúc lâm Yên Tử, hiệu là Huệ (Tuệ) Cơ, tự là Tính Hoảng [...]. Văn bia được khắc dưới triều vua Lê Hiển Tông năm thứ 19 (1758)".

(14). Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Di tích và Danh thắng Tây Yên Tử*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2018, tr. 69.

(15). Nguyễn Văn Phong, *Nghiên cứu văn bia tỉnh Bắc Giang*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Hán Nôm, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr. 127.

(16). Dương Ngô Ninh, *Giá trị của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, bảo vệ tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2020, tr. 58.

(17). "Sư (tức Pháp Loa) đã tạo hơn 1.300 tượng Phật lớn nhỏ, hai bộ tượng sơn mài, hơn 100 tượng bằng đất, dựng hai cảnh chùa lớn và 5 ngôi tháp, lập hơn 200 tăng xá, độ hơn 15.000 tăng, ni; in một bộ Kinh Đại tạng. Những đệ tử đắc pháp hơn 30 người đã liệt kê ở lược đồ. Pháp sư có 6 người, như: Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải ấn... đều hành pháp đắc lực. Còn Hoàng Tế và Huyền Giác hiện đang chăm sóc tháp của Sư". Hội Sử học tỉnh Hải Dương, *Di sản Hán Nôm Hải Dương*, tập 1, sđd, tr. 48.

(18). Mai Thùy Linh, *Tháp thời Lê ở Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khảo cổ học, bảo vệ tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr. 46.

(19). Mai Thùy Linh, *Tháp thời Lê ở Khu Di tích Yên Tử, Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khảo cổ học, sđd, tr. 57-64.

(20). Nguyễn Văn Anh, *Am Ngọa Vân*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013, tr. 38.

(21). Với 2 phế tích này, chúng có kích thước như sau: Hợp phần thứ nhất hình vuông, các cạnh không đều nhau, kích thước 42cm (44) x 42cm (44); ở giữa có hõm hình vuông kích thước các cạnh là 14cm x 14cm, là nơi để cắm chóp tháp, hõm này sâu khoảng 10-12cm. Ngoài ra, hõm còn có gờ nhỏ nổi lên. Hợp phần thứ hai có hình vuông, giống như hợp phần thứ nhất, các cạnh không đều nhau, kích thước 42cm (44) x 42cm (44), ở giữa có hõm hình vuông, kích thước các cạnh 16cm x 16cm, hõm sâu và có kích thước, hình dánh như hợp phần thứ nhất.

(22). Nguyễn Văn Anh, *Am Ngọa Vân*, sđd, tr. 22.

(23). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 1, sđd, tr. 538.

(24). Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang, *Địa chí Bắc Giang lịch sử và văn hóa*, Sở Văn hóa Thông tin Bắc Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin Tư liệu Lịch sử và Văn hóa Việt Nam, 2006, tr. 332-333. Giáp Thị Huyên, trong nghiên cứu của mình cũng cho rằng chùa Am Vãi được xây theo kiến trúc nội công ngoại quốc: "nơi có chùa Am Vãi, một công trình kiến trúc cổ, có từ ngàn đời xưa, được xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc khá hoàn chỉnh", Giáp Thị Huyên, *Vài nét về chùa Am Vãi*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 5 - 2006, tr. 64.

(25). Lý lịch Di tích chùa Am Vãi, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Lưu tại Bảo tàng tỉnh Bắc Giang), tr. 3.

(26). Xem: Lý lịch Di tích chùa Am Vãi, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, tlđd, tr. 5.